

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/HS-PT**  
Ngày 04-7-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

*Các Thẩm phán:* Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và 04 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLPT-HS ngày 18-4-2022 đối với bị cáo Trần Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh ST.

**- Bị cáo kháng cáo:** Trần Văn N, sinh ngày 24-4-2002; Nơi sinh: Xã X, huyện K, tỉnh ST. Nơi cư trú: Ấp HP, xã X, huyện K, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Vợ và con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07-8-2021 cho đến nay. (có mặt)

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Trần V - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Khu dân cư M, khóm 1, phường 7, thành phố ST, tỉnh ST. (có mặt)

**- Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 04-4-1979. Nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

2. Bà Trần Thị K, sinh ngày 01-01-1985. Nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

3. Ông Thạch T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh ST. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị L, sinh ngày 01-01-1975. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

2. Ông Trần Văn T, sinh ngày 18-4-2000. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

2. Ông Trần Văn P, sinh ngày 01-01-1972. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

3. Ông Nguyễn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST (vắng mặt)

4. Ông Trần Thanh V, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện K, tỉnh ST. (vắng mặt)

5. Ông Lưu Văn Ph, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện K, tỉnh ST. (vắng mặt)

6. Ông Ung Văn N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp L, xã X, huyện K, tỉnh ST. (vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Minh K, sinh ngày 01-01-2000. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Hoàng V. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 05-9-2020 Trần Văn N, chưa có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING, màu xanh - đen, biển kiểm soát 83C1-566.48, chở theo sau là Thạch T lưu thông trên tuyến lộ đal từ Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh ST về hướng ấp 4, xã B. N điều khiển xe đi qua tiệm tạp hóa của anh Nguyễn Thanh H ở ấp C, xã X thì có đoạn đường cong (cua lơ), do N điều khiển xe mô tô với tốc độ nhanh và chạy giữa lộ qua đoạn đường cong, nên khi đến đoạn trước nhà anh Trần Thanh V thì cặp mé lộ

đal có trồng khoai mì và nhánh khoai mì đưa ra lộ, lúc này N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83C1-566.48 tránh nhánh cây khoai mì nên chạy qua phần đường bên trái và chạm với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE F1, màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát 83C1- 370.16 do ông Nguyễn Văn C điều khiển chở theo vợ là Trần Thị K đang lưu thông theo hướng ngược lại (từ hướng ấp 4, xã B về hướng ấp H, xã X). Tai nạn xảy ra làm hai xe ngã xuống lộ đal N, T, C và K đều bị ngã xuống lộ đal. Hậu quả, N bị nứt xương hàm, dập lá lách; T bị vỡ xương sọ và xương mặt; C bị nứt xương hàm, chấn thương sọ não, gãy xương mũi. Còn K bị thương nhẹ; hai xe mô tô bị hư hỏng nặng. Sau khi điều trị thương tích đến ngày 01/02/2021, Nguyễn Văn C và Trần Văn N làm đơn yêu cầu giám định thương tích và đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Văn N theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 138 ngày 23-4-2021, của Trung tâm Pháp y tỉnh ST kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn C: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế hiện tại là 63% (*Sáu mươi ba phần trăm*). Tổn thương vùng đầu, mặt là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 139 ngày 23-4-2021, của Trung tâm Pháp y tỉnh ST kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Văn N: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế hiện tại là 58% (*Năm mươi tám phần trăm*). Tổn thương nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 10-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE F1, màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát 83C1- 370.16 bị thiệt hại 2.010.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 11-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING, màu xanh - đen, biển kiểm soát 83C1-566.48 bị thiệt hại: 6.350.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Qua công tác điều tra, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm dấu vết để lại trên mặt đường, dấu vết để lại trên phương tiện. Đoàn khám nghiệm kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên là do Trần Văn N gây ra. Do N điều khiển xe mô tô biển số 83C1- 566.48 không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường và không có giấy phép lái xe đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 04 năm tù. Thời gian phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn C tổng số tiền là 121.640.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền này có hiệu lực thi hành ngay và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Đến ngày 15-3-2022, bị cáo Trần Văn N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Hủy bản án số 12/2022/HS-ST, ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh ST để điều tra lại với các lý do:

- Thứ nhất, do cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội do khi xảy ra tai nạn thương tích của bị cáo nặng hơn bị hại Có nhưng kết quả giám định ghi nhận thương tích của bị cáo nhẹ hơn ông C là điều vô lý, dấu hiệu chính để tiến hành giám định không phù hợp với thương tích của bị cáo khi ra viện và bị cáo có yêu cầu giám định lại nhưng Cơ quan điều tra huyện Kế Sách không chấp nhận.

- Thứ hai, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra truy tố do bị cáo chỉ học lớp 1 được hai tháng, không biết chữ nhưng khi lấy lời khai không có người chứng kiến, khi lấy lời khai xong thì nhờ người ký tên chứng kiến chứ họ không chứng kiến trong quá trình điều tra; Còn các bản tự khai không biết ai viết, ... (BL50, 51, 52, 53, 54, 55, 62, 56, 57, 58, 61, 63).

- Thứ ba, việc xác định lỗi trong vụ án giao thông về việc xác định tốc độ xe 83C1-566.48, khi lấy lời khai bị cáo chỉ khai chạy tốc độ xe khoảng 30-40km/h nhưng biên bản ghi 60-70km/h là không đúng nhưng bị cáo không biết, khi nghe luật sư nói lại thì bị cáo mới biết và kết luận số 3117/C09B ngày 11-6-2021 của Phân viện khoa học hình sự thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận “không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô biển kiểm soát số 83C1-566.48 tại thời điểm xảy ra tai nạn” và tại bản kết luận số 3112/C09B ngày 25-6-2021 của Phân viện khoa học kỹ thuật tại thành phố Hồ Chí Minh cũng kết luận nhưng chưa kết luận rõ như thế nào. Trong khi các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào kết luận của Đoàn khám nghiệm để kết luận lỗi khi giải quyết vụ án là hoàn toàn không có căn cứ hợp pháp vì thành phần đoàn gồm toàn bộ công an và 01 đại diện Viện kiểm sát, kết luận này không mang tính khoa học.

- Thứ tư, đối với bồi thường thiệt hại do bị cáo không có thu nhập, khi tai

nạn xảy ra cha, mẹ của bị cáo còn phải chi lo cho bị cáo chi phí 200.000.000 đồng nhưng bị cáo có thiện chí hỗ trợ cho bị hại Nguyễn Văn C giá trị toàn bộ chiếc xe 83C1-566.48 mà bà Lê Thị L đã tặng cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thay đổi kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do tại phiên tòa bị cáo thỏa thuận được với bị hại về nghĩa vụ bồi thường tổng cộng các chi phí là 60.000.000 đồng, đã bồi thường cho bị hại được số tiền 5.000.000 đồng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Văn C trình bày: Tại phiên tòa giữa bị hại và bị cáo đã thống nhất thỏa thuận số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là 60.000.000 đồng và đã nhận được 5.000.000 đồng bị cáo bồi thường, số tiền tiền còn lại 55.000.000 đồng yêu cầu bị cáo thanh toán sớm cho bị hại và cũng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do tai nạn xảy ra là ngoài ý muốn.

- Bị hại Trần Thị K trình bày: Do tai nạn xảy ra thương tích của bị hại nhẹ nên không yêu cầu gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước trình bày quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo giảm án cho bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại buộc bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Sau khi nghe ý kiến trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên thì luật sư thống nhất về phân trách nhiệm hình sự; còn về trách dân sự do giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được nên không ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo được lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh ST thông qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 15-3-2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo được quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi toàn bộ kháng cáo yêu cầu chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường trách nhiệm dân sự, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cũng đã khắc phục

được cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của bị cáo là tự nguyện và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 05-9-2020 Trần Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING, màu xanh - đen, biển kiểm soát 83C1-566.48 với tốc độ nhanh, trong khi bị cáo chưa có bằng lái xe và bị cáo chạy giữa lộ qua đoạn đường cong tránh bụi khoai mì, bị cáo đã chạy qua phần đường bên trái va chạm với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE F1, màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát 83C1- 370.16 do ông Nguyễn Văn C chở theo vợ là bà Trần Thị K đang lưu thông theo hướng ngược lại. Tai nạn xảy ra làm hai xe ngã xuống lộ đạl, N, T, C và K đều bị ngã xuống lộ đạl. Hậu quả, bị cáo N bị nứt xương hàm, dập lá lách; anh T bị vỡ xương sọ và xương mặt; ông C bị nứt xương hàm, chấn thương sọ não, gãy xương mũi, còn bà K bị thương nhẹ và hai xe mô tô bị hư hỏng nặng. Tại bản kết luận giám định 138 ngày 23-4-2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bị hại Nguyễn Văn C là 63%, còn bị hại K và T không yêu cầu giám định. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, phù hợp với pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo có nhân thân tốt không tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và bị cáo có trình độ học vấn thấp là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cấp sơ thẩm đã xem xét và cân nhắc xử phạt bị cáo với mức án 04 (bốn) năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và trong đó có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo đã tự nguyện khắc phục cho bị hại một phần thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại và bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đây là các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được áp dụng ở cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Đối với trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm giữa bị cáo và bị hại Nguyễn Văn C đã thỏa thuận với nhau về trách nhiệm bồi thường dân sự là bị cáo

có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng cộng các khoản chi phí với số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện không trái đạo đức và pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo và bị hại sửa án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Do bị cáo đã đưa trước cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đề nghị của người bào chữa, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo và ghi nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bản án sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm dân sự nên án phí cũng được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.000.000 đồng x 5% = 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm, năm mươi nghìn đồng).

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận về trách nhiệm hình sự và ghi nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự nên theo quy định tại điểm h, e khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh ST.

**2.** Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

**3.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn C tổng số tiền còn lại là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Số tiền này có hiệu lực thi hành ngay và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

#### **4. Về xử lý vật chứng:**

- Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn C: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại FUTURE F1, màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát 83C1- 370.16 tình trạng đã qua sử dụng, bị hư hỏng.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện K tiếp tục quản lý: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING, màu xanh-đen, biển kiểm soát 83C1-566.48 tình trạng đã qua sử dụng, bị hư hỏng của bị cáo Trần Văn N (do bà Lê Thị L đứng tên) để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22-11-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kế Sách với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

#### **5. Về án phí:**

- Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

#### **6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

##### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CQĐT - Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ; NBC;
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Tôn Thị Thanh Thúy**



